

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA BA LAN
VỀ
MIỄN THỊ THỰC CHO NGƯỜI MANG
HỘ CHIẾU NGOẠI GIAO

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ba Lan, sau đây gọi là “các Bên Ký kết”,

Mong muốn phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị giữa hai nước,

Nhằm tạo thuận lợi cho việc nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại của công dân hai nước mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

1. Công dân một Bên Ký kết mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị do Bộ Ngoại giao của nước mình cấp, sau đây gọi là “hộ chiếu ngoại giao”, có quyền nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh lãnh thổ Bên Ký kết kia miễn thị thực qua các cửa khẩu dành cho giao lưu quốc tế.

2. Công dân một Bên Ký kết mang hộ chiếu ngoại giao có quyền lưu trú tại lãnh thổ Bên Ký kết kia với thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày trong vòng 180 (một trăm tám mươi) ngày kể từ ngày nhập cảnh đầu tiên.

Điều 2

1. Công dân một Bên Ký kết mang hộ chiếu ngoại giao còn giá trị do Bộ Ngoại giao nước mình cấp, là người được bổ nhiệm làm việc tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan đại diện tại các tổ chức quốc tế đóng trên lãnh thổ Bên Ký kết kia, có quyền nhập cảnh lãnh thổ Bên Ký kết kia và lưu trú miễn thị thực trong suốt quá trình công tác.

2. Quy định này cũng áp dụng đối với vợ/chồng và con của những người nói trên, với điều kiện họ là thành viên gia đình sống trong cùng một hộ với những người nói trên và mang hộ chiếu ngoại giao.

3. Bộ Ngoại giao của một Bên Ký kết sẽ thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của Bên Ký kết kia về những người nêu tại Khoản 1 Điều 2 trên trước khi họ được bổ nhiệm.

Điều 3

1. Công dân một Bên Ký kết có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật trên lãnh thổ của Bên Ký kết kia khi nhập cảnh và trong suốt thời gian lưu trú trên lãnh thổ của Bên Ký kết kia.

2. Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền của mỗi Bên Ký kết từ chối cho nhập cảnh hoặc rút ngắn thời hạn lưu trú của cá nhân mà sự có mặt của người này trên lãnh thổ của mình bị coi là không được hoan nghênh.

Điều 4

Trường hợp công dân một Bên Ký kết mất hộ chiếu ngoại giao trên lãnh thổ Bên Ký kết kia, người này phải thông báo ngay cho cơ quan liên quan của Bên Ký kết đó để áp dụng các biện pháp thích hợp. Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự liên quan sẽ cấp mới giấy tờ đi lại cho công dân mình, để người này có thể xuất cảnh qua cửa khẩu quốc gia, và thông báo cho cơ quan liên quan nước sở tại về việc này.

Điều 5

Mỗi Bên Ký kết có quyền tạm thời đình chỉ việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần Hiệp định này vì lý do an ninh, trật tự xã hội và sức khỏe cộng đồng. Quyết định đình chỉ hoặc quyết định rút lại việc đình chỉ thực hiện Hiệp định phải được thông báo cho Bên Ký kết kia qua đường ngoại giao không muộn hơn 7 (bảy) ngày trước ngày đình chỉ hoặc ngày rút lại việc đình chỉ thực hiện Hiệp định có hiệu lực.

Điều 6

1. Các Bên Ký kết sẽ trao cho nhau qua đường ngoại giao mẫu hộ chiếu ngoại giao, kèm theo thông tin chi tiết mô tả hộ chiếu này, chậm nhất không quá 30 (ba mươi) ngày trước ngày Hiệp định này có hiệu lực.

2. Các Bên Ký kết sẽ trao cho nhau qua đường ngoại giao mẫu hộ chiếu ngoại giao mới, kèm theo thông tin chi tiết mô tả hộ chiếu này, chậm nhất không quá 30 (ba mươi) ngày trước ngày hộ chiếu này được đưa vào sử dụng.

Điều 7

Mọi vấn đề phát sinh liên quan đến việc giải thích và thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết một cách hữu nghị qua đường ngoại giao.

Điều 8

1. Hiệp định này có hiệu lực sau 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản sau cùng qua đường ngoại giao, qua đó các Bên Ký kết thông báo cho nhau về việc đã hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết trong nước để Hiệp định có hiệu lực.

2. Các sửa đổi và bổ sung đối với Hiệp định này có thể được thực hiện thông qua thỏa thuận bằng văn bản qua đường ngoại giao giữa các Bên Ký kết.

3. Hiệp định này có giá trị vô thời hạn. Mỗi Bên Ký kết có thể chấm dứt Hiệp định này bằng văn bản thông báo qua đường ngoại giao. Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ hết hiệu lực sau 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo chấm dứt Hiệp định.

ĐỂ LÀM BẰNG, dưới đây đại diện được ủy quyền của Chính phủ mỗi nước đã ký Hiệp định này.

Làm tại ~~Vác-sa-na~~ ngày 06 tháng 07 năm 2011, thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Ba Lan và tiếng Anh; các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



BÙI THANH SƠN
Thủ trưởng Bộ Ngoại giao

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA
BA LAN



BE-A-TA XÔ-TEN-MÁC
Thủ trưởng Bộ Ngoại giao

**AGREEMENT
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
AND
THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF POLAND
ON
THE ABOLITION OF THE VISA REQUIREMENT
FOR HOLDERS OF DIPLOMATIC PASSPORTS**

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of Republic of Poland, hereinafter referred to as the "Contracting Parties",

Desiring to strengthen the existenting friendly relations between the two countries;

Wishing to facilitate the entry, exit, and travel between the two countries for their citizens holding valid diplomatic passports,

Have agreed as follows:

Article 1

1. Citizen of one Contracting Party holding valid diplomatic passports issued by the Ministry of Foreign Affairs of that Contracting Party, hereinafter referred to as diplomatic passports, shall have the right to enter, exit, and transit through the territory of the other Contracting Party without visas, using border crossing points designated for international passenger traffic.

2. Citizens of one Contracting Party holding diplomatic passports shall have the right to stay in the territory of the Contracting Party for a period of up to 90 (ninety) days during a period of 180 (one hundred and eighty) days from the date of their first entry.

Article 2

1. Citizens of one Contracting Party holding valid diplomatic passports issued by the Ministry of Foreign Affairs of that Contracting Party who are assigned to work in a diplomatic mission, consular office or international organization having its seat in the territory of the other Contracting Party, shall have the right to enter the territory of the other Contracting Party and to remain there during the term of their assignment without the need to apply for a visa.

Handwritten signature

Handwritten signature

2. This right shall apply to the spouses and children of such persons, respectfully, provided that they are members of one household and hold diplomatic passports.

3. The persons mentioned in Article 2.1 above will be notified by the Ministry of Foreign Affairs of one Contracting Party to the diplomatic mission of the other Contracting Party prior to being assigned.

Article 3

1. The citizens of one Contracting Party shall be obligated to comply with the laws applicable in the territory of the other Contracting Party while crossing the border and throughout their stay in the territory of the other Contracting Party.

2. This Agreement shall not affect the right of each Contracting Party to refuse entry or shorten the stay of persons whose presence in its territory is deemed undesirable.

Article 4

In the event a citizen of one Contracting Party loses his/her diplomatic passport in the territory of the other Contracting Party, he/she shall immediately notify the relevant authorities of the receiving Contracting Party so that appropriate actions can be undertaken. The relevant diplomatic mission or consular office shall issue a new travel document to his/her citizen enabling him/her to cross state borders, and shall notify the relevant authorities of the receiving Contracting Party about this.

Article 5

Each Contracting Party shall have the right to suspend the implementation of the entire Agreement or its part for reasons of security, public order or public health. A decision to suspend or to revoke a suspension shall be notified to the other Contracting Party through diplomatic channels not later than 7 (seven) days prior to the entry into force of the suspension or the revocation of the suspension, respectively.

Article 6

1. The Contracting Parties shall, through diplomatic channels, exchange specimens of their diplomatic passports, together with a detailed description of such documents, no later than 30 (thirty) days before the entry into force of this Agreement.

2. The Contracting Parties shall, through diplomatic channels, exchange specimens of their new diplomatic passports, together with a detailed

description of such documents, no later than 30 (thirty) days before the entry into force of such documents.

Article 7

Any dispute arising in connection with the interpretation or implementation of this Agreement shall be settled amicably through diplomatic channels.

Article 8

1. This Agreement shall enter into force ninety 90 (ninety) days after the date of receipt, through diplomatic channels, of later notification in which the Contracting Parties shall notify each other about the completion of their internal legal procedures required for the entry into force of this Agreement.

2. Amendments and additions to this Agreement may be made by written notification through diplomatic channels, by mutual consent of the Contracting Parties.

3. The duration of this Agreement is not limited. Each Contracting Party may terminate this Agreement by written notification through diplomatic channels. In that event, the Agreement shall expire after 90 (ninety) days from the day of receiving the notification of termination.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective Governments, have signed this Agreement.

Done in Warsaw, this...6th... day of July, 2011..., in duplicate, each in Vietnamese, Polish and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence in the interpretation of this Agreement, the English text shall prevail.

**FOR THE GOVERNMENT OF THE
SOCIALIST REPUBLIC OF
VIETNAM**



BUI THANH SON
Deputy Minister of Foreign Affairs

**FOR THE GOVERNMENT OF THE
REPUBLIC OF POLAND**



BEATE STELMACH
Deputy Minister of Foreign Affairs

**UMOWA MIĘDZY
RZĄDEM SOCJALISTYCZNEJ REPUBLIKI WIETNAMU
A RZĄDEM RZECZYPOSPOLITEJ POLSKIEJ
O ZNIESIENIU OBOWIĄZKU WIZOWEGO
DLA POSIADACZY PASZPORTÓW DYPLMATYCZNYCH**

Rząd Socjalistycznej Republiki Wietnamu i Rząd Rzeczypospolitej Polskiej, zwane dalej „Umawiającymi się Stronami”,

Pragnąc zacieśnić istniejące przyjazne stosunki między dwoma krajami;

Pragnąc ułatwić wjazd i wyjazd oraz podróżowanie między dwoma krajami obywatelom legitymującym się ważnymi paszportami dyplmatycznymi,

Uzgodniły, co następuje:

Artykuł 1

1. Obywatele jednej Umawiającej się Strony, legitymujący się ważnymi paszportami dyplmatycznymi wydanymi przez Ministerstwo Spraw Zagranicznych tej Strony, zwanymi dalej *paszportami dyplmatycznymi*, są uprawnieni do wjazdu, wyjazdu i tranzytu przez terytorium drugiej Umawiającej się Strony bez wiz, korzystając z przejść granicznych dozwolonych dla międzynarodowego ruchu pasażerskiego.
2. Obywatele jednej Umawiającej się Strony legitymujący się paszportami dyplmatycznymi są uprawnieni do pobytu na terytorium drugiej Umawiającej się Strony przez okres nie dłuższy niż 90 (dziewięćdziesiąt) dni, w okresie 180 (stu osiemdziesięciu) dni liczonych od daty pierwszego wjazdu.

Artykuł 2

1. Obywatele jednej Umawiającej się Strony legitymujący się ważnymi paszportami dyplmatycznymi, wydanymi przez Ministerstwo Spraw Zagranicznych tej Strony wyznaczeni do pracy w przedstawicielstwie dyplmatycznym, urzędzie konsularnym lub organizacji międzynarodowej mających swoją siedzibę na terytorium drugiej Umawiającej się Strony, są uprawnieni do wjazdu na terytorium tej Strony, wyjazdu i pozostawania tam przez okres wykonywania obowiązków służbowych bez konieczności ubiegania się o wydanie wizy.
2. Powyższe uprawnienie odnosi się odpowiednio do współmałżonków i dzieci osób wymienionych w ustępie 1, pod warunkiem, że pozostają z nimi we wspólnocie domowej i legitymują się paszportami dyplmatycznymi.

[Signature]

[Signature]

3. Osoby, o których mowa w ustępie 1, będą zgłaszane w drodze notyfikacji przez Ministerstwo Spraw Zagranicznych jednej Umawiającej się Strony, przedstawicielstwu dyplomatycznemu drugiej Umawiającej się Strony, przed skierowaniem do pracy.

Artykuł 3

1. Obywatele jednej Umawiającej się Strony są zobowiązani do przestrzegania przepisów prawa obowiązujących na terytorium drugiej Umawiającej się Strony przy przekraczaniu granicy i przez cały okres pobytu na jej terytorium.
2. Niniejsza Umowa nie wpływa na przysługujące Umawiającym się Stronom prawo do niewyrażenia zgody na wjazd oraz skrócenia pobytu osobie, której obecność na jej terytorium zostanie uznana za niepożądaną.

Artykuł 4

Jeżeli obywatel jednej Umawiającej się Strony utraci swój paszport dyplomatyczny na terytorium drugiej Umawiającej się Strony, zobowiązany jest on do bezzwłocznego powiadomienia właściwych władz Państwa przyjmującego w celu podjęcia stosownych działań. Właściwe przedstawicielstwo dyplomatyczne lub urząd konsularny wyda swojemu obywatelowi nowy dokument podróży, uprawniający do przekraczania granicy państwowej i powiadomi o tym właściwe władze Państwa przyjmującego.

Artykuł 5

Każda z Umawiających się Stron może, z uwagi na bezpieczeństwo, porządek publiczny lub ochronę zdrowia publicznego, czasowo zawiesić stosowanie niniejszej Umowy w całości lub części. Decyzja o zawieszeniu, jak również o uchyleniu zawieszenia Umowy powinna być notyfikowana drogą dyplomatyczną drugiej Umawiającej się Stronie najpóźniej 7 (siedem) dni przed jej wejściem w życie.

Artykuł 6

1. Strony przeکاżą sobie nawzajem, drogą dyplomatyczną, wzory swoich paszportów dyplomatycznych wraz ze szczegółowym opisem tych dokumentów na co najmniej 30 (trzydzieści) dni przed wejściem w życie niniejszej Umowy.
2. Strony przeکاżą sobie nawzajem, drogą dyplomatyczną, wzory swoich nowych paszportów dyplomatycznych wraz ze szczegółowym opisem tych dokumentów na co najmniej 30 (trzydzieści) dni przed datą rozpoczęcia ich obowiązywania.

Artykuł 7

Wszelkie Spory wynikające z interpretacji i wykonywania niniejszej Umowy, będą rozstrzygane polubownie drogą dyplomatyczną.

Artykuł 8

1. Umowa niniejsza wchodzi w życie po upływie 90 (dziewięćdziesięciu) dni po dacie otrzymania drogą dyplomatyczną ostatniej notyfikacji, w której Umawiające się Strony poinformują się nawzajem o spełnieniu wewnętrznych wymogów prawnych niezbędnych do wejścia w życie niniejszej Umowy.
2. Umowa niniejsza może zostać zmieniona i uzupełniona na piśmie, drogą dyplomatyczną za porozumieniem Stron.
3. Umowa niniejsza została zawarta na czas nieokreślony. Każda z Umawiających się Stron może wypowiedzieć Umowę w drodze pisemnej notyfikacji przekazanej drogą dyplomatyczną. W takim wypadku, Umowa traci moc po upływie 90 (dziewięćdziesięciu) dni od daty otrzymania notyfikacji o jej wypowiedzeniu.

NA DOWÓD CZEGO niżej podpisani, będący do tego należycie upoważnieni przez swoje Rządy, zawarli niniejszą Umowę.

Umowę sporządzono w _____, w dniu _____ roku, w dwóch egzemplarzach, każdy w języku wietnamskim, polskim i angielskim, przy czym wszystkie teksty są jednakowo autentyczne. W przypadku różnic interpretacyjnych przy stosowaniu niniejszej Umowy, rozstrzygający będzie tekst w języku angielskim.

**Z UPOWAŻNIENIA RZĄDU
SOCJALISTYCZNEJ REPUBLIKI
WIETNAMU**



**Z UPOWAŻNIENIA RZĄDU
RZECZYPOSPOLITEJ POLSKIEJ**

